

Chính sách đối ngoại của Nga đối với Châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Bùi Thị Huyền¹

¹ Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: huyenbt@ueh.edu.vn

Nhận ngày 2 tháng 12 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Tóm tắt: Thế kỷ XXI, Châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) trở thành đầu tàu trong phát triển kinh tế quốc tế, là trung tâm quyền lực của trật tự thế giới đa cực. Đứng trước tình hình đó, các quốc gia trong khu vực đã từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với bối cảnh mới. Nga cũng có những điều chỉnh chính sách đối ngoại, hướng sự quan tâm của mình sang khu vực CA-TBD. Trọng tâm của sự chuyển hướng ấy chính là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN, trong đó Việt Nam là cầu nối, là đối tác chiến lược quan trọng để Nga thực hiện chính sách hướng Đông của mình. Điều đó đã tác động lớn đến khu vực nói chung và quan hệ Việt - Nga nói riêng.

Từ khóa: Châu Á - Thái Bình Dương, chính sách đối ngoại, Nga, Việt Nam.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: In the 21st century, Asia and the Pacific have become the locomotive in international economic development, and the centre of power of the multipolar world order. In face of the situation, countries in the region have gradually adjusted their foreign policies to suit the new context. Russia itself has also made foreign policy adjustments, shifting its attention to Asia and the Pacific. The focuses of the shift are China, India, Japan and ASEAN, in which Vietnam is a bridge and an important strategic partner for Russia to implement its eastward policy. That has exerted great impact on the region in general and Vietnam - Russia relations in particular.

Keywords: Asia and the Pacific, foreign policy, Russia, Vietnam.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Năm 1991, Liên bang Xô Viết tan rã, Nga trở thành thực thể chính trị độc lập. Trong giai đoạn 1991-1993, Nga thực hiện chính sách đối ngoại “định hướng Đại Tây Dương” thân với Mỹ và phương Tây, nhưng không đem lại hiệu quả. Vì vậy, Nga phải nỗ lực tìm kiếm những nguồn lực mới, những hướng hợp tác chính trị và kinh tế mới nhằm phát triển đất nước và chính sách đối ngoại cân bằng Đông - Tây bắt đầu được thực thi vào năm 1994. Chính sách đối ngoại này đã đánh dấu sự quay trở lại Châu Á của Nga và tiếp tục được Tổng thống V.Putin kế thừa, phát triển, điều chỉnh trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Đó là chính sách thực dụng, linh hoạt, lấy hợp tác kinh tế làm phương hướng hợp tác chủ yếu, quan tâm cả an ninh khu vực, quan hệ nhiều với các quốc gia kinh tế phát triển nhanh chóng và chú ý những nước có địa chính trị quan trọng trong khu vực. Chính sách CA-TBD của Nga lấy Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên ở Đông Bắc Á, Việt Nam ở Đông Nam Á, Ấn Độ ở Nam Á làm điểm cơ bản, tận dụng hai điểm nóng là Bắc Triều Tiên và Biển Đông gây ảnh hưởng chiến lược ở khu vực CA-TBD. Bài viết này phân tích chính sách đối ngoại của Nga đối với CA-TBD và Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

2. Chính sách đối ngoại của Nga đối với Châu Á - Thái Bình Dương

Năm 1994, trong “Những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nga” được Tổng thống B.Yeltsin phê chuẩn đã khẳng định: “Tăng cường chính sách đối

ngoại CA-TBD có thể cân bằng các mặt đối với phương Tây. Như thế càng thể hiện vị trí Âu - Á của Nga” [1]. Định hướng này đánh dấu sự quay trở lại Châu Á của Nga và tiếp tục được Tổng thống V.Putin kế thừa, phát triển, điều chỉnh trong đầu thế kỷ XXI.

Chính sách CA-TBD tiếp tục được triển khai khi V.Putin lên làm Tổng thống trong hai nhiệm kỳ (2000-2008), D.Medvedev (2008-2012) và V.Putin từ 2012 đến nay. Tổng thống V.Putin đã đề ra chính sách đối ngoại mới: từ bỏ chính sách đối ngoại phiên diện nghiêng hẳn về phương Tây, chuyển sang chiến lược đối ngoại độc lập, tự chủ, thực dụng, thúc đẩy trật tự thế giới mới đa cực. Với định hướng đối ngoại cân bằng Đông - Tây, Nga đã xây dựng mối quan hệ theo tất cả các hướng nhằm đảm bảo những điều kiện bên ngoài ổn định, thuận lợi cho nước Nga phát triển. Cơ sở của chính sách đó là tính thực dụng, hiệu quả kinh tế, ưu tiên các mục tiêu quốc gia. Mặc dù định hướng chính sách đối ngoại của Nga là cân bằng Âu - Á nhưng trong hai nhiệm kỳ đầu của Tổng thống V.Putin (2000-2008), Nga vẫn coi trọng Châu Âu, bởi vì Nga “phải học cách bảo vệ lợi ích kinh tế và trọng tâm đối ngoại là châu Âu” [7]. Định hướng này cho thấy Châu Á và các quốc gia phương Đông không thể được ưu tiên hơn so với Mỹ và phương Tây trong hoạch định chính sách đối ngoại của Nga. “Mục tiêu của Nga trong giai đoạn này là nỗ lực không ngừng để khiến Mỹ và các quốc gia Châu Âu phải lưu tâm đến những lợi ích và tầm quan trọng của Nga” [13]. Trong mục tiêu này, CA-TBD nói chung, Đông Nam Á nói riêng không phải là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Nga.

Trên thực tế, kể từ sau định hướng “cân bằng Âu - Á”, dưới tác động của sự chuyển

dịch quyền lực từ Tây sang Đông và áp lực gia tăng ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực này, CA-TBD được Nga nhấn mạnh như một khu vực chứa đựng nhiều lợi ích tiềm năng. Tuy nhiên, cách tiếp cận của Nga chủ yếu tập trung vào các tiểu khu vực Đông Bắc Á, Nam Á và Trung Á. Trong đó, Đông Bắc Á được chú trọng như một không gian chiến lược với các đối tác lớn (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc); Nam Á được chú trọng bởi vai trò không thể thiếu của Ấn Độ trong chính sách cân bằng quyền lực của Nga; Trung Á được chú trọng bởi các điểm nóng liên quan đến an ninh và mạng lưới đường ống dẫn dầu trung chuyển sống còn (qua Belarus và Ukraina) của Nga sang Châu Âu. Đông Nam Á, thật sự là mảng thiếu trong chính sách đối ngoại của Nga.

Chính sách CA-TBD của Nga đã có những điều chỉnh mới trong nhiệm kỳ của Tổng thống D.Medvedev (2008-2012) và V.Putin (2012 đến nay), trên cơ sở định hướng đối ngoại mới thông qua năm 2008: “Tập trung sự chú ý vào khu vực CA-TBD nhiều hơn bên cạnh chính sách đối với SNG, Mỹ và Tây Âu” [19]. Nội dung này được thúc đẩy mạnh mẽ bởi những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới trong đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, cùng sự gia tăng tầm quan trọng của CA-TBD và Nga nhìn thấy tiềm lực của phương Đông về nguồn vốn, công nghệ cao cũng như sự hấp dẫn từ các thị trường năng lượng và vũ khí của Nga. “Chúng ta nhìn thấy CA-TBD đang phát triển nhanh chóng như thế nào trong vài thập kỷ gần đây. Là một cường quốc Thái Bình Dương, Nga sẽ tận dụng đầy đủ tiềm năng to lớn này” [10].

Nga đẩy mạnh chính sách CA-TBD trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, xuất phát từ việc Nga đã nhận thức được sự thật

hiển nhiên: “Nước Nga về mặt lịch sử, gắn bó không tách rời với CA-TBD, nên Nga có lợi ích chính trị và kinh tế sống còn trong khu vực. Nga là một cường quốc nằm trên hai lục địa Á - Âu và hai phần ba lãnh thổ của Nga nằm ở Châu Á. Nga có thể nhận được những khoản tín dụng cần thiết và cả công nghệ tiên tiến ở Châu Á chứ không phải chỉ ở Mỹ và Châu Âu. Nga cũng muốn hiện đại hóa những vùng phía Đông của đất nước còn lạc hậu, nhưng giàu tài nguyên thiên nhiên vì thế không thể thiếu sự tham gia của các nước Châu Á láng giềng” [3].

Bên cạnh đó, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực, nhất là Mỹ và Trung Quốc, buộc Nga phải có chính sách “xoay trục” mạnh mẽ, hướng về Châu Á, nơi Nga có nhiều ảnh hưởng trước đây. Hơn nữa, tình hình nước Nga cũng có những khó khăn thách thức, khi bị Mỹ và các nước Tây Âu cấm vận kinh tế sau cuộc khủng hoảng Ukraina, Nga muốn hạn chế sự phụ thuộc về kinh tế vào phương Tây (đặc biệt là Châu Âu) sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Kết quả là, hướng CA-TBD nổi lên, đóng vai trò là một trong những hoạt động cơ bản nhất trong chính sách đối ngoại của Nga trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Nga coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là mở rộng các mối quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực CA-TBD, tham gia tích cực vào các cơ chế đa phương như Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), ASEAN, nhằm nhanh chóng hòa nhập vùng Viễn Đông² của Nga vào hệ thống các mối quan hệ kinh tế của khu vực này. Trong khái niệm mới về Chính sách đối ngoại của Nga, được V.Putin thông qua năm 2016, khẳng định: “Thúc đẩy hợp tác với các nước CA - TBD là ưu tiên đối

ngoại mang tầm quan trọng chiến lược đối với Nga, theo đó, Nga sẽ tham gia tích cực các tiến trình ở CA-TBD, phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Siberia và Viễn Đông; củng cố quan hệ đối tác đối thoại lâu dài và toàn diện với ASEAN và nâng tầm lên đối tác chiến lược, mở rộng hợp tác trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+); ủng hộ hợp tác kinh tế cùng có lợi trong khuôn khổ APEC, hợp tác trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu (ASEM), Hội nghị Thượng đỉnh về phối hợp hành động và các biện pháp củng cố lòng tin ở châu Á (CICA); xây dựng không gian kinh tế chung, rộng mở và không phân biệt đối xử đối với ASEAN, Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) và Liên minh kinh tế Á - Âu” [17].

Kết quả là, hướng CA-TBD nổi lên, đóng vai trò là một trong những hoạt động cơ bản nhất trong chính sách đối ngoại của Nga trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Nga coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là mở rộng các mối quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực CA-TBD, tham gia tích cực vào các cơ chế đa phương như APEC, ASEAN, nhằm nhanh chóng hòa nhập vùng Viễn Đông của Nga vào hệ thống các mối quan hệ kinh tế của khu vực này.

Như vậy, chính sách đối ngoại của Nga trong đầu thế kỷ XXI đã có sự thay đổi và điều chỉnh phù hợp với sự biến động của tình hình thế giới và khu vực. Trong quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại, Nga đã từng bước hình thành chính sách “hướng Đông”, tập trung vào khu vực CA-TBD. “Chính sách hướng Đông tích cực của Nga không phải xuất phát từ những tính toán tức

thời nào đấy, thậm chí không phải do sự lạnh nhạt trong quan hệ với Mỹ và Liên minh Châu Âu, mà là nhằm đáp ứng các lợi ích quốc gia dài hạn và phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới” [10]. Đó là chính sách thực dụng, linh hoạt, lấy hợp tác kinh tế làm phương hướng hợp tác chủ yếu, quan tâm cả an ninh khu vực, quan hệ nhiều với các quốc gia kinh tế phát triển nhanh chóng và chú ý những nước có địa chính trị quan trọng trong khu vực.

3. Chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam

Chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam nằm trong định hướng chung với khu vực CA-TBD nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Tổng thống Nga V.Putin đã khẳng định: “Việt Nam là đối tác quan trọng của Nga ở khu vực CA-TBD”. Khẳng định này được cụ thể hóa bằng “Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nga” năm 2001: “Việt Nam và Nga khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược” [2]. Tuy xác định về chính trị - ngoại giao Việt Nam là đối tác chiến lược của Nga ở Châu Á, nhưng thực tế chính sách Châu Á của Nga trong giai đoạn (2000-2008) là lấy Trung Quốc, Ấn Độ làm trung tâm; Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng chưa phải là ưu tiên hàng đầu của Nga tại Châu Á. Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) không phải là ưu tiên hàng đầu của Liên bang Nga, bởi “Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ hướng chính sách đối ngoại của

Nga đến những lợi ích thực dụng hơn, ít bị lệ thuộc bởi những quan hệ truyền thống (đặc biệt là ý thức hệ)” [6]. Việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường và hội nhập của Nga vào nền kinh tế thế giới, đã góp phần thúc đẩy tính thực dụng cao độ trong chính sách đối ngoại của Nga. Do đó, chính sách của Nga đối với Việt Nam sau Chiến tranh lạnh được chú trọng hơn trên lĩnh vực kinh tế. Nhưng vì Việt Nam không có ưu thế kinh tế nổi bật và tiềm năng sinh lợi sánh bằng các đối tác Tây Âu và Đông Bắc Á nên vị trí của Việt Nam trở nên hạn chế trong chiến lược đối ngoại hướng Đông của Nga.

Đến nhiệm kỳ của Tổng thống D.Medvedev (2008-2012) cùng với nỗ lực “hướng Đông” chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam đã chú trọng hơn. Trong Học thuyết đối ngoại mới của Nga được thông qua năm 2008, khẳng định: “Chính sách của Nga hướng tới tăng cường tính năng động, tích cực trong quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á, trước hết là phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam”. Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, đã có những điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách CA-TBD của Nga, đặc biệt khi V.Putin quay lại vị trí Tổng thống trong nhiệm kỳ thứ 3 (năm 2012), đã có sự chuyển động về chiến lược và Nga đã hướng sự chú ý vào khu vực Đông Nam Á. Đông Nam Á là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ hội nhập Châu Á và chính sách đối ngoại cân bằng Á - Âu của Nga. Tuy nhiên, trong số các tiểu khu vực của Châu Á, Đông Nam Á không có nhiều liên hệ với Nga (trừ Việt Nam với quan hệ kinh tế - thương mại và chính trị - quân sự giữa hai nước Việt - Nga từ giữa thế kỷ XX đến nay đang tiếp tục được duy trì và củng cố) và ASEAN cũng không phải là ưu tiên

trong chính sách đối ngoại của Nga, nhưng vai trò của tiểu khu vực này trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh - quân sự đối với Nga ngày càng lớn. Cùng với sự gia tăng vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình, để giảm thiểu ảnh hưởng ngày càng lớn của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và thúc đẩy các lợi ích của Nga tại đây. Với những ưu thế của Việt Nam trong khu vực “Mục tiêu của Nga là xây dựng Việt Nam thành một cầu nối quan trọng nhất, giúp Nga hội nhập sâu vào khu vực” [6].

Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam từ thập niên thứ hai của thế kỷ XXI còn chịu sự tác động mạnh mẽ từ nhân tố Mỹ, Trung Quốc. Năm 2010, Mỹ công bố chính sách “tái cân bằng” của mình đối với Châu Á. Sự trở lại Châu Á của Mỹ đã làm cho bối cảnh khu vực CA - TBD thay đổi mạnh mẽ. Bởi vì, việc Mỹ tăng cường can dự, hiện diện ở CA-TBD bằng chiến lược “tái cân bằng” cả về quân sự và kinh tế đã và đang giúp Việt Nam có điều kiện tốt hơn theo đuổi “cân bằng chiến lược” trong quan hệ với các nước lớn. Mỹ cũng muốn khai thác vị thế đang lên của Việt Nam để mở rộng lợi ích chiến lược của họ ở khu vực đang bị Trung Quốc thách thức. “Mỹ gia tăng sự hiện diện ở CA-TBD nói chung, Đông Nam Á nói riêng nhằm khẳng định sức mạnh siêu cường cũng như kiềm chế Trung Quốc, bảo vệ các lợi ích của Mỹ. Còn Nga vừa gia tăng hợp tác về kinh tế, vừa thận trọng trong hợp tác quốc phòng cũng như các vấn đề nhạy cảm trong khu vực. Với những chiến lược như vậy, cả Nga và Mỹ đều có động thái gia tăng quan hệ với Việt Nam và ASEAN”. Một lý do nữa thúc đẩy Nga chú ý nhiều hơn đến Việt Nam, đó là “lịch sử quan hệ với Việt Nam

mang đến hy vọng duy nhất cho Nga để duy trì một vai trò độc lập ở Đông Á và thoát khỏi sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc. Quan điểm này đã trùng khớp với mục đích của Hoa Kỳ, vì nước này cũng tìm kiếm mối quan hệ thân thiết hơn với Việt Nam như một lực lượng cân bằng với Trung Quốc” [15]. Việt Nam với vị trí địa chiến lược quan trọng của khu vực, là thành viên của ASEAN, sẽ là cầu nối quan trọng trong việc mở rộng quan hệ và ảnh hưởng của Nga trong khu vực. “Mối quan hệ tích cực với Việt Nam khiến cho Nga nổi lên như là một quyền lực nằm giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ” [18].

Trong chính sách xoay trục sang CA-TBD của Nga, đặc biệt khi bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận thì Trung Quốc là lựa chọn hàng đầu của Nga trong chiến lược này. Tuy giữa Liên bang Nga và Trung Quốc là đối tác chiến lược của nhau, nhưng đây là hai cường quốc có thể chế chính trị và những lợi ích khác nhau, đồng thời đều đang có những tham vọng chiến lược ở tầm quốc tế. Cả hai nước Nga và Trung Quốc đều đang cạnh tranh về vị thế của mình tại CA-TBD, Đông Nam Á nên đã thúc đẩy hợp tác nhiều mặt tại CA-TBD. Hơn nữa, Trung Quốc có xu hướng bành trướng lãnh thổ, nên Nga lo lắng vùng Viễn Đông giàu tài nguyên thiên nhiên của Nga, sẽ bị Trung Quốc “thâu tóm”. Đằng sau những mối đe dọa này là Nga sợ khi Trung Quốc lớn mạnh hơn nữa, Nga sẽ bị hạ thấp vị thế của mình và thành “đối tác phụ thuộc” vào Trung Quốc. Chính vì thế, Nga đã thực hiện chính sách đa dạng hóa tại Châu Á và chuyển hướng khỏi Trung Quốc. Nga đã chọn Việt Nam để thực hiện chính sách “xoay trục sang Châu Á” mà trọng tâm là chiến lược “hướng Đông” để có thể đối phó với lệnh cấm vận

kinh tế của Mỹ và phương Tây. Chính vì vậy, “Nga đang theo đuổi các mối quan hệ mạnh mẽ hơn với Việt Nam để xây dựng ảnh hưởng của mình ở Đông Á chống lại sự nổi lên của Trung Quốc” [16], hơn nữa “Nga nhận thức được những rủi ro liên quan đến việc trở thành một đối tác nhỏ trước một Trung Quốc lớn mạnh và sự suy giảm khả năng đóng góp của mình để hình thành chương trình nghị sự toàn cầu” [15].

Từ những nhân tố trên, Nga ngày càng nhận thức rõ hơn rằng việc nâng tầm quan hệ với Việt Nam là đáp ứng các lợi ích nhiều mặt của Nga không chỉ ở Việt Nam mà còn ở Đông Nam Á và CA-TBD, bởi vai trò, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng tăng và Việt Nam là số ít những đối tác thủy chung và tin cậy nhất của nước này. Vì vậy, cho dù Việt Nam nhỏ, Nga vẫn đặt Việt Nam trong nhóm ba nước đối tác chiến lược quan trọng nhất ở CA-TBD (cùng với Trung Quốc, Ấn Độ) và là đối tác Đông Nam Á quan trọng nhất của Nga. Ngay sau khi tuyên thệ nhậm chức, V.Putin ký sắc lệnh “Về các biện pháp thực hiện chính sách đối ngoại của Liên bang Nga”, trong đó Việt Nam một lần nữa được nhắc đến trong hoạt động đối ngoại được ưu tiên của Nga ở khu vực CA-TBD: “Củng cố và làm sâu sắc thêm sự hợp tác tin cậy, công bằng và sự hợp tác chiến lược với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đối tác chiến lược với Cộng hòa Ấn Độ, với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [12]. Trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (7/2012), Việt - Nga đã nâng cấp quan hệ thành “Đối tác chiến lược toàn diện” khẳng định cam kết của Nga luôn xem Việt Nam là đối tác chiến lược quan trọng của Nga tại Châu Á. Có thể nói đây là sự kiện thể hiện bước phát triển mới trong chính sách hợp

tác của Nga đối với Việt Nam và là cơ sở pháp lý vững chắc để Nga tiếp tục mở rộng và thúc đẩy mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực hợp tác quan trọng như: an ninh, quốc phòng, kinh tế - thương mại, năng lượng... Những phân tích trên cho thấy Nga có lợi ích khi hợp tác với một nước Việt Nam hùng mạnh, sự gia tăng vị thế của Việt Nam đối với khu vực và thế giới sẽ góp phần mang lại sự quan tâm lớn hơn của Nga đối với Việt Nam. Điều đó có nghĩa: lợi ích trong quan hệ với Việt Nam là yếu tố tác động trực tiếp đến chính sách của Nga trong đầu thế kỷ XXI.

4. Kết luận

Chính sách CA-TBD của Nga được hình thành từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX và từng bước điều chỉnh trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại mới của Nga khi coi trọng hợp tác với khu vực CA-TBD nói chung, ASEAN nói riêng (trong đó có Việt Nam) đã khẳng định vị trí quan trọng của khu vực này trong chính sách đối ngoại của Nga. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nga đã tác động lớn, tích cực và có lợi cho Việt Nam, trước hết là tăng vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên trường quốc tế, mở rộng thị trường thương mại và nâng cao khả năng hội nhập quốc tế của Việt Nam. Việc hợp tác chặt chẽ của Việt Nam với Nga mang lại cho Việt Nam sự hậu thuẫn trong việc kiềm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc (nhất là trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay) và cân bằng lực lượng với các cường quốc khác (Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ). Sự điều chỉnh chính sách của

Nga đối với Việt Nam còn góp phần tác động đa tầng đối với khu vực CA-TBD, song tác động mạnh nhất là gia tăng vai trò, vị thế của Đông Nam Á trong khu vực Châu Á. Thực tế, Nga đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với an ninh - chính trị của Đông Nam Á, nhất là việc tạo thế cân bằng chiến lược giữa các nước lớn đang cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực, góp phần ổn định môi trường hòa bình ở khu vực cũng như gia tăng vai trò của CA-TBD trong trật tự thế giới đa cực.

Chú thích

² Viễn Đông Nga là một thuật ngữ chỉ những vùng của Nga ở Viễn Đông, ví dụ, những vùng cực đông của Nga, giữa Hồ Baikal ở Trung Siberia, và Thái Bình Dương. Viễn Đông thường được gọi trong tiếng Nga là “Vùng Châu Á - Thái Bình Dương” (Азиатско-тихоокеанский регион - АТР), hay “Đông Á” (Восточная Азия). Vùng Viễn Đông có diện tích 6,2 triệu km² - chiếm 36,4% diện tích của đất nước, nhưng nơi đây có dân cư thưa thớt, chỉ với 6,4 triệu dân, tương đương dưới 5% dân số Nga.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Châu (1997), *Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với Châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh và vấn đề đặt ra với Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [2] Cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), “Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Liên Bang Nga”, *Báo Nhân Dân*.

- [3] E.V.Kobelelev (2016), “20 năm quan hệ đối tác Nga - ASEAN” Tạp chí *Nghiên cứu Châu Âu*, số 6.
- [4] Vũ Dương Huân (2013), “Tiềm năng kinh tế Viễn Đông, Liên bang Nga và khả năng hợp tác Nga - Việt Nam (Phần 2)”, Tạp chí *Nghiên cứu Châu Âu*, số 3.
- [5] Vũ Dương Huân (2017), “Học thuyết đối ngoại mới của Liên bang Nga 2016.” Tạp chí *Nghiên cứu Châu Âu*, số 7.
- [6] Bùi Thị Thảo (2016), *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Thông Tấn xã Việt Nam (2002), *Tài liệu tham khảo đặc biệt “Quan hệ chiến lược giữa các nước lớn trong thế kỷ XXI”*, số 6.
- [8] Thông Tấn xã Việt Nam (2007), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số 3.
- [9] Thông tấn xã Việt Nam (2012), *Tài liệu tham khảo đặc biệt “Đặc trưng và xu thế mới trong quan hệ Trung-Mỹ-Nga hiện Nay”*, số 8.
- [10] Thông tấn xã Việt Nam (2016), *Thông Điệp Liên Bang*, số 339.
- [11] Nguyễn Quang Thuần (2012), “Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trong bối cảnh tăng cường sự hiện diện của Mỹ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương”, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 5.
- [12] V.Putin (2012) “*Nước Nga và thế giới đang thay đổi.*”. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Gabriel Gorodetsky (2003), *Russia between East and West - Russian Foreign Policy on the Threshold of the Twenty - First Century*, Frank Cass Publishers, London.
- [14] Ian Storey (2015), “What Russia’s ‘Turn to the East’ Means for Southeast Asia”, *ISEAS PERSPECTIVE*, Yosofishak Institute Publication, Singapore, No. 67.
- [15] Pavel K Baev (2015), "Can Russia Keep Its Special Ties with Vietnam While Moving Closer and Closer to China", *International Area Studies Review*, No.18 (3) 312-325,
- [16] <https://www.foreignpolicyjournal.com/2016/01/05/the-china-factor-in-russia-vietnam-security-ties/>.
- [17] vietnam.mid.ru/web/vietnam-vn/main/asset_publisher/IzH2BiDu7xh3/content/khai-niem-ve-chinh-sach-oi-ngoai-cua-lien-bang-nga?inheritRedirect=false.
- [18] [http://russiancouncil.ru/en/ inner/?i_4=4818#top](http://russiancouncil.ru/en/inner/?i_4=4818#top) (accessed 24 october 2018).
- [19] <http://economy.gov.ru/minrec/activity/foreignEconomicActivity/vec2020>.